

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng
kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập	4
Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất	9

C
H
C
T
I
K
:

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (tên trước khi thay đổi là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 2 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103018225 ngày 24 tháng 4 năm 2009	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở chính của Công ty
Số 0102307343 ngày 30 tháng 8 năm 2010	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 25 tỷ đồng và 6 tỷ đồng.

Công ty có công ty con :

- Công ty TNHH CMS Thăng Long:
 - Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Trong 6 tháng đầu năm 2011, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng và cung ứng nhân lực.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 389 nhân viên (2010: 472 nhân viên).

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

4. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	5 tháng 7 năm 2007	-
Ông Đặng Minh Toàn	Thành viên	5 tháng 7 năm 2007	31 tháng 3 năm 2011
Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên	5 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Đức Phong	Thành viên	29 tháng 10 năm 2008	-
Ông Chu Đình Thế	Thành viên	6 tháng 3 năm 2010	31 tháng 3 năm 2011
Ông Hà Văn Choang	Thành viên	31 tháng 3 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên	31 tháng 3 năm 2011	-

Ban Giám đốc Công ty được sửa đổi chức danh thành Ban Tổng Giám đốc theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHCĐCĐ/CMS-2011 của Đại hội Cổ đông thường niên 2011 ngày 26 tháng 3 năm 2011.

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	9 tháng 4 năm 2008	-
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007	-
Ông Đào Ngọc Quế	Phó Tổng Giám đốc	8 tháng 12 năm 2007	-
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 1 năm 2010	-

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc giai đoạn kế toán 6 tháng đầu năm 2011 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Kim Ngọc Nhân, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng theo ý kiến của Ban Giám đốc bằng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày phần ảnh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc





KIM NGỌC NHÂN
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 11-01-028C

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 5 đến trang 26. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất, và do đó, chúng tôi cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



PHẠM THẾ HUNG

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0495/KTV

HÀ NỘI

Ngày 22 tháng 7 năm 2011



NGUYỄN TIẾN DŨNG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0800/KTV

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất

tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30.6.2011	31.12.2010
A. Tài sản ngắn hạn	100		92.587.424.393	87.938.350.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.517.350.529	3.695.141.494
1. Tiền	111	3	4.517.350.529	3.695.141.494
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.257.541.868	19.730.560.868
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	27.660.960.868	19.730.560.868
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	4	(403.419.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.782.248.677	27.918.466.978
1. Phải thu khách hàng	131		23.522.426.128	15.447.167.987
2. Trả trước cho người bán	132		4.811.920.417	2.036.590.152
5. Các khoản phải thu khác	135	5	13.447.902.132	10.434.708.839
IV. Hàng tồn kho	140	6	13.693.587.262	29.907.848.696
1. Hàng tồn kho	141		13.693.587.262	29.907.848.696
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.336.696.057	6.686.332.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	596.744.457	802.062.987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	3.328.372.544	3.355.862.080
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.411.579.056	2.528.407.143
B. Tài sản dài hạn	200		27.657.200.209	31.596.585.451
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.201.414.216	3.995.402.608
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		6.201.414.216	3.995.402.608
II. Tài sản cố định	220		19.323.113.783	23.277.410.633
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	18.083.430.174	21.186.516.097
- Nguyên giá	222		25.331.163.606	26.674.666.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.247.733.432)	(5.488.150.791)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	34.536.109	40.687.494
- Nguyên giá	228		49.000.000	49.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.463.891)	(8.312.506)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.205.147.500	2.050.207.042
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.191.100.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	-	2.191.100.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.132.672.210	2.132.672.210
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.132.672.210	2.132.672.210
Tổng cộng tài sản	270		120.244.624.602	119.534.935.697

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất
tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30.6.2011	31.12.2010
A. Nợ phải trả	300		82.721.302.608	86.974.982.063
I. Nợ ngắn hạn	310		61.540.702.536	68.710.060.193
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	29.005.856.859	26.614.318.142
2. Phải trả người bán	312		5.482.653.732	9.769.110.373
3. Người mua trả tiền trước	313		6.410.876.432	7.091.738.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	8.139.950.917	4.671.795.437
5. Phải trả người lao động	315		4.692.317.558	8.785.683.563
6. Chi phí phải trả	316	15	3.716.911.535	8.608.121.496
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	3.696.085.320	3.067.335.818
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		396.050.183	101.957.364
II. Nợ dài hạn	330		21.180.600.072	18.264.921.870
1. Phải trả dài hạn người bán	331		5.946.194.234	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		14.868.347.671	17.898.863.703
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	366.058.167	366.058.167
B. Vốn chủ sở hữu	400		37.523.321.994	32.559.953.634
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	37.523.321.994	32.559.953.634
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		877.646.070	391.905.047
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		752.819.791	267.078.768
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.892.856.133	6.900.969.819
Tổng cộng nguồn vốn	440		120.244.624.602	119.534.935.697

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30.6.2011	31.12.2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)		2.855,88	6.567,15

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 7 năm 2011



KIM NGỌC NHẬN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
1. Doanh thu	01	18	99.909.777.709	73.997.414.255
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		99.909.777.709	73.997.414.255
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(81.316.157.717)	(58.827.379.857)
5. Lợi nhuận gộp	20		18.593.619.992	15.170.034.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.768.464.063	206.807.046
7. Chi phí tài chính	22	21	(2.398.776.092)	(253.762.149)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(76.120.672)	(137.193.610)
8. Chi phí bán hàng	24	22	(1.648.916.045)	(2.492.805.003)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(6.324.438.699)	(5.166.144.815)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		10.989.953.219	7.464.129.477
11. Thu nhập khác	31	24	1.632.388.142	-
12. Chi phí khác	32	25	(1.844.615.055)	-
13. Lợi nhuận khác	40		(212.226.913)	-
14. Lợi nhuận trước thuế	50		10.777.726.306	7.464.129.477
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	(2.659.654.077)	(1.866.032.369)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		8.118.072.229	5.598.097.108
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.247	5.598

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 7 năm 2011



KIM NGỌC NHẬN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất (phương pháp gián tiếp)

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.777.726.306	7.464.129.477
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	3.092.707.693	1.316.548.971
Các khoản dự phòng	03	403.419.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	162.067.621	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.317.168.281)	(65.039.486)
Chi phí lãi vay	06	1.519.101.704	137.193.610
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(13.168.153.049)	(8.220.575.201)
Thay đổi hàng tồn kho	10	16.339.121.179	(5.093.006.570)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(9.598.965.068)	16.225.817.305
Thay đổi chi phí trả trước	12	205.318.530	103.604.031
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.519.101.704)	(137.193.610)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(71.905.999)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(540.150.000)	(1.920.672.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.355.923.931	9.738.900.318
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(634.970.913)	(6.159.186.091)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	1.367.500.000	-
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.690.300.000)	(10.380.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	279.000.000	4.153.959.800
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(800.000.000)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	904.000.000	800.000.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	332.045.971	65.039.486
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.442.724.942)	(12.320.186.805)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	39.130.391.355	31.529.576.682
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(36.903.375.142)	(26.975.970.639)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(2.320.461.050)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.444.837)	2.053.606.043
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	819.754.152	(527.680.444)
Tiền tồn đầu năm	60	3.695.141.494	6.551.159.812
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	2.454.883	-
Tiền tồn cuối năm	70	4.517.350.529	6.023.479.368

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 7 năm 2011



KIM NGỌC NHẬN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ THÙY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (tên trước khi thay đổi là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 2 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh

Nội dung điều chỉnh

Số 0103018225 ngày 28 tháng 4 năm 2009

Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở chính của Công ty

Số 0102307343 ngày 30 tháng 8 năm 2010

Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 25 tỷ đồng và 6 tỷ đồng.

Công ty có công ty con :

▪ Công ty TNHH CMS Thăng Long:

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Trong 6 tháng đầu năm 2011, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng và cung ứng nhân lực.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.2. Cơ sở lập báo cáo hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát.

2.2.1. Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất

Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh thì được thực hiện điều chỉnh sau khi cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - Các khoản phải thu phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất;
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh thì được thực hiện điều chỉnh sau khi cộng để hợp nhất và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ phát sinh trong nội bộ tập đoàn;
 - Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con và loại trừ các khoản giao dịch bằng tiền trong nội bộ tập đoàn.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang cuối kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang phát sinh trong} \\ \text{kỳ từng công trình} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{từng công} \\ \text{trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{Dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực hiện} \\ \text{dở dang đầu kỳ (không bao} \\ \text{gồm thuế GTGT)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực} \\ \text{hiện trong kỳ (không} \\ \text{bao gồm thuế GTGT)} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{ghi nhận} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Tài sản	Số năm khấu hao
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 năm.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn và kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

b) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tháng 3 năm 2011 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 5% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 4% lợi nhuận sau thuế

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này

2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính hợp nhất thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.23. Số liệu so sánh

Đây là năm tài chính đầu tiên Công ty phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định, do vậy số liệu so sánh kỳ trước là số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Tiền mặt	3.062.287.101	1.149.107.048
Tiền gửi ngân hàng	1.455.063.428	2.546.034.446
	4.517.350.529	3.695.141.494

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	Ghi chú	30.6.2011		31.12.2010	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Cavico Khoáng Sản và Công nghiệp	HNX	139.110	1.391.100.000	-	-
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	-	-	24.865.838.506	-	17.275.538.506
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	-	-	1.404.022.362	-	1.404.022.362
Cho vay cá nhân khác	-	-	-	-	1.051.000.000
			27.660.960.868		19.730.560.868
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			(403.419.000)		-

5. Các khoản phải thu khác

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	4.833.284.598	6.218.905.922
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	5.875.174.432	3.946.507.084
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	119.341.901	-
Trương Thị Luyện	1.497.650.000	-
Dương Thị Ngọc	500.000.000	-
Nguyễn Ngọc Tú	372.000.000	-
Nguyễn Trọng Quang	170.847.368	-
Khác	79.603.833	269.295.833
	13.447.902.132	10.434.708.839

6. Hàng tồn kho

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Hàng mua đang đi trên đường	233.532.900	98.395.500
Nguyên liệu, vật liệu	741.345.910	778.120.460
Công cụ, dụng cụ	1.143.218.092	1.066.569.975
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.128.594.052	27.960.362.763
Hàng hóa	446.896.308	4.399.998
	13.693.587.262	29.907.848.696

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ sản xuất	95.809.242	240.523.706	(233.365.653)	102.967.295
Chi phí thuê văn phòng	571.639.852	866.635.500	(967.707.601)	470.567.751
Chi phí sửa chữa	134.613.893	-	(114.586.300)	20.027.593
Chi phí bảo hiểm	-	9.545.455	(6.363.637)	3.181.818
	802.062.987	1.116.704.661	(1.322.023.191)	596.744.457

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Tài sản thiếu chờ xử lý	5.000.000	5.000.000
Tạm ứng	1.102.598.653	2.142.252.695
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	303.980.403	381.154.448
	1.411.579.056	2.528.407.143

9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	22.192.562.064	3.871.761.699	610.343.125	26.674.666.888
Tăng trong kỳ	763.443.433	591.727.277	-	1.355.170.710
<i>Trong đó:</i>				
<i>Kết chuyển từ xây dựng CBDD</i>	720.199.797	-	-	720.199.797
<i>Mua mới</i>	43.243.636	591.727.277	-	634.970.913
Giảm trong năm	(2.479.648.992)	(219.025.000)	-	(2.698.673.992)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(2.479.648.992)	(219.025.000)	-	(2.698.673.992)
Số dư cuối kỳ	20.476.356.505	4.244.463.976	610.343.125	25.331.163.606
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu kỳ	4.177.983.608	997.249.654	312.917.529	5.488.150.791
Tăng trong kỳ	2.570.437.439	419.999.609	96.119.260	3.086.556.308
Giảm trong kỳ	(1.184.336.022)	(142.637.645)	-	(1.326.973.667)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(1.184.336.022)	(142.637.645)	-	(1.326.973.667)
Số dư cuối kỳ	5.564.085.025	1.274.611.618	409.036.789	7.247.733.432
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	18.014.578.456	2.874.512.045	297.425.596	21.186.516.097
Số dư cuối kỳ	14.912.271.480	2.969.852.358	201.306.336	18.083.430.174

10. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	49.000.000	49.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	49.000.000	49.000.000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu kỳ	8.312.506	8.312.506
Khấu hao trong kỳ	6.151.385	6.151.385
Số dư cuối kỳ	14.463.891	14.463.891
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	40.687.494	40.687.494
Số dư cuối kỳ	34.536.109	34.536.109

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Sửa chữa máy móc thiết bị	2.050.207.042	-	(845.059.542)	1.205.147.500
	2.050.207.042	-	(845.059.542)	1.205.147.500

12. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	Ghi chú	30.6.2011		31.12.2010	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Cavico Khoáng Sản và Công nghiệp	HNX	-	-	219.110	2.191.100.000
		-	-	219.110	2.191.100.000

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	3.355.862.080	4.748.030.765	(4.775.520.301)	3.328.372.544
	3.355.862.080	4.748.030.765	(4.775.520.301)	3.328.372.544
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	5.671.777.070	(4.916.116.622)	755.660.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.001.268.746	2.659.654.077	-	5.660.922.823
Thuế xuất nhập khẩu	20.265.442	-	-	20.265.442
Thuế thu nhập cá nhân	1.650.261.249	681.763.896	(628.922.941)	1.703.102.204
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Thuế khác	-	28.984.700	(28.984.700)	-
	4.671.795.437	9.047.179.743	(5.579.024.263)	8.139.950.917

13.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Lợi nhuận thuần trước thuế	10.777.726.306	7.464.129.477
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(139.110.000)	-
Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	10.638.616.306	7.464.129.477
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	10.638.616.306	7.464.129.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	2.659.654.077	1.866.032.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu kỳ	3.001.268.746	2.556.142.777
Điều chỉnh do ưu đãi thuế	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	-	(71.905.999)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối kỳ	5.660.922.823	4.350.269.147

13.3 Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Tài sản thừa chờ xử lý	429.370.231	577.455.115
Bảo hiểm xã hội	552.803.327	272.263.783
Bảo hiểm y tế	22.153.715	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.663.832	-
Kinh phí công đoàn	137.447.535	95.401.508
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	2.544.646.680	2.122.215.412
	3.696.085.320	3.067.335.818

15. Chi phí phải trả

Nội dung	31.6.2011	31.12.2010
Chi phí thuê văn phòng	41.000.000	25.500.000
Chi phí vận chuyển	-	33.585.600
Chi phí thầu phụ tạm tính của dự án Sông Bạc	3.086.793.773	8.549.035.896
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng dự án Sông Bạc	581.117.762	-
Chi phí thuê xe nâng	8.000.000	-
	3.716.911.535	8.608.121.496

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

16. Vay và nợ

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Vay và nợ ngắn hạn	28.628.674.859	25.859.962.642
Vay ngân hàng	28.353.674.859	25.859.962.642
Vay các bên liên quan	275.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	377.182.000	754.355.500
Vay ngân hàng	377.182.000	754.355.500
Vay và nợ dài hạn	366.058.167	366.058.167
Vay ngân hàng	366.058.167	366.058.167
	29.371.915.026	26.980.376.309

Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 30.6.2011
Vay ngắn hạn					29.005.856.859
Vay ngân hàng					28.353.674.859
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	6	6 tháng cho 1 lần nhận nợ	17%-19%	Bảo lãnh	11.712.131.095
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	6	6 tháng cho 1 lần nhận nợ	7,5%	Bảo lãnh	14.156.792.764
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Long Biên	6	30/11/2011	20,5%	Bảo lãnh	2.484.751.000
Vay các bên liên quan					275.000.000
Công ty CP Xây dựng và Nhân lực Sông Hồng	-	-	-	-	275.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả					377.182.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	-	14/7/2012	12%	Tin chấp	152.433.500
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	25/4/2012	10,5%	Tin chấp	224.748.500
Vay và nợ dài hạn					366.058.167
Vay ngân hàng					366.058.167
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	36	14/7/2012	12%	Tin chấp	228.643.167
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	36	25/4/2012	10,5%	Tin chấp	137.415.000
					29.371.915.026

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lãi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 1.1.2010	10.000.000.000	391.905.047	267.078.768	3.686.149.343	14.345.133.158
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.714.820.476	9.714.820.476
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Số dư 31.12.2010	25.000.000.000	391.905.047	267.078.768	6.900.969.819	32.559.953.634
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	8.118.072.229	8.118.072.229
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(2.320.461.050)	(2.320.461.050)
Trích quỹ trong kỳ	-	485.741.023	485.741.023	(971.482.046)	-
Trích các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(388.592.819)	(388.592.819)
Phụ cấp Hội đồng Quản trị	-	-	-	(444.000.000)	(444.000.000)
Chi khác	-	-	-	(1.650.000)	(1.650.000)
Số dư 30.6.2011	25.000.000.000	877.646.070	752.819.791	10.892.856.133	37.523.321.994

17.2 Tình hình biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Vốn cổ phần đầu kỳ	25.000.000.000	10.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong kỳ	-	15.000.000.000
Vốn cổ phần cuối kỳ	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	2.320.461.050	6.500.000.000

17.3 Cổ phiếu

Nội dung	30.6.2011	31.12.2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

18. Doanh thu

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Doanh thu xuất khẩu lao động	44.017.216.659	64.316.224.580
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	44.886.426.071	6.726.300.863
Doanh thu bán hàng hóa	5.665.197.142	1.789.470.105
Doanh thu hoạt động khác	5.340.937.837	1.165.418.707
	99.909.777.709	73.997.414.255

19. Giá vốn hàng bán

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động	34.953.932.179	48.075.022.374
Giá vốn các công trình xây dựng	37.995.253.837	8.223.916.125
Giá vốn bán vật tư	5.390.698.519	1.713.964.763
Giá vốn hoạt động khác	2.976.273.182	814.476.595
	81.316.157.717	58.827.379.857

20. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.336.804.922	65.039.486
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	188.549.141	141.767.560
Lãi đầu tư cổ phiếu	104.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	139.110.000	-
	2.768.464.063	206.807.046

21. Chi phí tài chính

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Lãi tiền vay	76.120.672	137.193.610
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	403.419.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	162.067.620	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.757.168.800	116.568.539
	2.398.776.092	253.762.149

22. Chi phí bán hàng

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Phí quản lý dự án Angeri	696.654.000	2.492.805.003
Phí quản lý dự án Sông Bạc	952.262.045	-
	1.648.916.045	2.492.805.003

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Chi phí nhân viên quản lý	2.182.297.829	1.951.451.270
Chi phí vật liệu quản lý	146.984.018	187.530.141
Chi phí khấu hao và phân bổ	858.582.983	268.107.433
Thuế phí và lệ phí	10.711.509	124.245.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.394.766.226	2.435.375.735
Chi phí khác	731.096.134	199.434.248
	6.324.438.699	5.166.144.815

24. Thu nhập khác

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Thanh lý tài sản cố định	1.367.500.000	-
Thu do thanh lý vật tư, bán phế liệu	156.000.000	-
Thu nhập khác	108.888.142	-
	1.632.388.142	-

25. Chi phí khác

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.371.700.325	-
Giá trị vật tư thanh lý	307.939.962	-
Chi phí khác	164.974.768	-
	1.844.615.055	-

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	Từ 1.1.2011 đến 30.6.2011	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	8.118.072.229	5.598.097.108
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	8.118.072.229	5.598.097.108
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ		
- Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	2.500.000	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong kỳ	-	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ	2.500.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.247	5.598

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

27. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

27.1. Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			30.6.2011	2010
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Doanh thu hợp đồng xây dựng	233.806.364	9.539.829.875
		Cho vay ngắn hạn	1.404.022.362	1.800.000.000
		Lãi cho vay	119.341.901	363.341.807
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Doanh thu bán vật tư	5.683.363.642	11.956.989.924
		Doanh thu cho thuê thiết bị	4.551.230.645	3.948.671.892
		Lãi cho vay	1.878.870.348	1.354.681.315
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	1.531.278.026	2.918.905.922
		Phí quản lý	(515.745.007)	(289.318.774)
		Lãi cho vay	294.406.702	486.120.000

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

27.2. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị phải thu/(phải trả)	
			30.6.2011	31.12.2010
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Kinh doanh thương mại, xuất khẩu, xây dựng	2.145.394.187	5.524.283.784
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Bán vật tư, máy móc, cho thuê nhà xưởng	2.566.901.589	9.069.031.190
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy Điện	Công ty liên kết	Bán hàng	300.318.940	300.318.940
Phải thu khác				
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	4.687.627.896	6.218.905.922
		Lãi vay	145.656.702	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Tiền sẵn lượng, vật tư	2.592.997.050	2.543.200.050
		Lãi vay	3.125.015.286	1.246.144.938
		Lãi chậm thanh toán	157.162.096	157.162.096
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Lãi vay	119.341.901	-
Đầu tư ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	1.404.022.362	1.404.022.362
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	24.865.838.506	17.275.538.506
Phải trả người bán				
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Phí quản lý	(515.745.007)	(1.090.781.168)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Phí Angieri	(806.846.610)	(3.484.843.260)

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ không cần đảm bảo, không có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty.

27.2 Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Nội dung	Từ 1.1.2011
	đến 30.6.2011
Lương và thưởng	525.002.473
	525.002.473

28. Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được phê chuẩn để phát hành ngày 22 tháng 7 năm 2011.




KIM NGỌC NHÂN
Tổng Giám đốc



ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

